TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/72022
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**.

2. Ông **Tạ Công Minh**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô **Đàm Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/62022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Lê Thị Cẩm N**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp TT, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Đàm Nhật T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp PQ, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị N có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 22/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Cẩm N trình bày:*

Chị và anh Đàm Nhật T sống chung với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Đàm Nhật T không quan tâm, lo lắng cho vợ con, không thăm vợ con và có quen người con gái khác. Từ tháng 02/2022, anh chị đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Đàm Lê Phát T1**, sinh ngày 23/4/2019. Hiện con chung đang sống với chị, nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có.

** Bị đơn anh Đàm Nhật T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị N vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh T.

Anh T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Đàm Nhật T nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Ly hôn*".

[3] Về hôn nhân:

Chị Lê Thị Cẩm N và anh Đàm Nhật T xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 04/3/2019.

Tại phiên tòa, chị N trình bày: Mặc dù hai bên có thời gian tìm hiểu 04 năm, nhưng khoảng hơn 03 tháng đầu sau khi cưới, cả hai sống chung bên nhà chị chồng tại ấp PQ, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân thời gian đó khi mới cấn bầu, chị mệt mỏi, có nhờ anh T phụ việc nhà, anh T ham chơi game, không phụ mà còn chửi và đánh chị do bị chị nhắc nhở. Hơn nữa, chị chồng thường kiếm chuyện chửi chị… Vì lý do đó, chị có báo với cha mẹ ruột của chị, lên gặp và xin rước chị về chăm sóc chị trong thời gian thau nghén. Từ lúc chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, thời gian đầu anh T cũng ít thăm nom, đến khi con chung hơn 01 tuổi thì anh T không liên lạc với chị nữa. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 01/2022. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Đối với anh T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù ở các giai đoạn tố tụng anh đều được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ. Anh cũng không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nội dung biên bản xác minh ngày 31/5/2022, thể hiện: Anh T và chị N … đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn thấy anh chị sống chung với nhau tại địa phương cho đến nay. Con chung đang sống với chị N tại nhà mẹ ruột tại xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của chị N xin được ly hôn anh T là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Đàm Lê Phát T1, sinh ngày 23/4/2019. Xét cháu còn quá nhỏ, từ ngày hai vợ chồng ly hôn đến nay, cháu T1

do chị N trực tiếp, chăm sóc (bút lục 27); hơn nữa chị N có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (bút lục 24). Do đó, cần giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh T được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh T tạm thời chưa thực hiện do chị N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm N.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm N được ly hôn với anh Đàm Nhật T.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung **Đàm Lê Phát T1**, sinh ngày 23/4/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.
Sau khi ly hôn, anh T được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phát Thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020376 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Phong, H. Châu Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI